

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 15/8/2023

V/v: Đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tưởng Ngọc Anh

2. Ông Phạm Văn Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-TCDS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị S, sinh năm: 1970. Địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm: 1984. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người làm chứng:*

Chị Lê Thị L. Địa chỉ: Trường Mầm non xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Chị Trần Thị M. Địa chỉ: Trường Mầm non xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Chị Lê Thị S và chị Lê Thị Tuyết L có quen biết với nhau nên vào ngày 14/6/2016 dương lịch (nhằm ngày 10/5/2016 âm lịch), chị S đã cho chị L vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), khi vay chị L có viết giấy vay tiền và ký tên vào giấy. Các bên chưa thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Đến năm 2017, chị L đã làm giấy hẹn trả nợ với nội dung trả mỗi tháng 3.500.000 đồng, bắt đầu từ ngày 31/9/2017 nhưng chị L đã không thực hiện như cam kết.

Đến năm 2018, chị L lại tiếp tục viết giấy cam kết trả nợ cho chị S, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/5/2018. Chị L đã trả cho chị S được số tiền 11.000.000 đồng.

Từ tháng 6 năm 2018 chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị S như cam kết. Chị S đã nhiều lần đề nghị chị L trả nợ nhưng chị L cố tình không trả nợ. Ủy ban nhân dân xã Q và trường học nơi chị L làm việc cũng đã tiến hành hòa giải nhưng chị L vẫn không thực hiện theo cam kết.

Chị S yêu cầu chị L phải thanh toán một lần cho chị S số tiền nợ còn lại là 69.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày khởi kiện (ngày 03/4/2023) theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Tuyết L trình bày:

Vào khoảng năm 2011, 2012 chị L có vay của chị S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); khi đó chị S có lập một giấy vay tiền, đánh máy và chị S giữ tờ giấy vay tiền đó. Tại giấy vay tiền có thỏa thuận mỗi tháng 1.800.000 đồng tiền lãi. Chị L đã trả lãi cho chị S từ khi vay cho đến khoảng giữa năm 2013, do khó khăn nên L không thực hiện việc trả tiền lãi cho chị S nữa.

Đến ngày 10/5/2016 (âm lịch) chị L thừa nhận đã viết một tờ Giấy vay tiền với nội dung chị L đã vay của chị S số tiền vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Chị L cho rằng việc viết tờ giấy vay tiền này là do chị L sợ ảnh hưởng đến danh dự và công việc vì nếu chị L không viết thì chị S sẽ gửi đơn lên trường nơi chị L dạy học. Chị L cho rằng chị L không nhận số tiền 80.000.000 đồng từ chị S. Trong giấy vay tiền chị L cũng không ghi ngày tháng hứa trả tiền và theo hình thức nào.

Đến tháng 9 năm 2017, chị S yêu cầu chị L trả tiền, nên chị L thừa nhận đã tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ số tiền một tháng 3.500.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn và chị L cũng nợ Ngân hàng nên chị L chưa thể trả tiền cho chị S.

Đến khoảng tháng 4/2018 chị S có làm đơn kiện chị L đến nơi chị L đang làm việc là Trường mầm non Q và Ban giám hiệu cũng gây sức ép cho chị L và nếu chị L không trả, chị S sẽ làm đơn gửi lên Phòng giáo dục sẽ ảnh hưởng tới trường nên sẽ có hình thức kỷ luật với chị L. Vì sợ ảnh hưởng đến công việc nên

chị L đã tiếp tục viết giấy cam kết trả nợ một tháng 2.000.000 đồng và sau đó chị L đã trả cho chị S số tiền 11.000.000 đồng. Tại thời điểm viết giấy cam kết có đại diện Trường mầm non xã Q là chị Lê Thị L, Hiệu phó trường mầm non Q và chị Trần Thị M là Tổ trưởng tổ chuyên môn chứng kiến. Do chị L đau ốm phải mổ trong bệnh viện nên không có điều kiện để trả tiếp số tiền nợ cho chị S và xin chị S mỗi tháng 500.000 đồng nhưng chị S không đồng ý.

Chị S khởi kiện chị L đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, chị L cho rằng mình chỉ vay chị S số tiền 20.000.000 đồng, chị L đã trả 11.000.000 đồng và cho rằng chỉ còn nợ lại 9.000.000 đồng và đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, chị L thừa nhận không có chứng cứ chứng minh số tiền vay ban đầu của chị S là 20.000.000 đồng. Chị chấp nhận còn nợ chị S số tiền 69.000.000 đồng và xin chị S trả nợ mỗi tháng 500.000 đồng, vì hiện tại bản thân còn nợ nhiều, không có khả năng trả một lần số tiền trên cho chị S.

Tại phiên tòa, chị S không nhất trí phương án chị L trả nợ như vậy và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/7/2023 người làm chứng chị Trần Thị M trình bày:*

Về việc vay mượn tiền giữa chị S và chị L như thế nào thì chị Mai không biết, tuy nhiên tư cách là Tổ trưởng tổ chuyên môn chị Mai cũng thay mặt Nhà trường động viên để 2 bên hòa giải với nhau với mục đích để chị L sắp xếp trả nợ. Nhà trường cũng hỏi có sự việc chị L có vay chị S và có viết và ký vào giấy vay tiền 80.000.000 đồng hay không thì chị L cũng đã thừa nhận trực tiếp ký vào giấy vay tiền. Chị Mai chỉ chứng kiến và ký trong “Giấy cam kết trả tiền đúng thời hạn” giữa chị S và chị L.

Tâm trạng chị L lúc đó cũng có sự tủi thân và buồn vì nợ nần bên ngoài nhiều, tuy nhiên việc chị L và chị S thỏa thuận việc trả 2.000.000 đồng mỗi tháng là do chị L tự nguyện chấp nhận và tự nguyện ký vào giấy cam kết và Nhà trường không gây áp lực gì.

Do điều kiện công việc của chị Mai rất bận rộn nên chị Mai không thể có mặt tại Tòa án được.

** Tại phiên hòa giải ngày 14/7/2023 người làm chứng chị Lê Thị L trình bày:*

Chị S có đưa đơn kiện chị L đến nhà trường 2 lần thì lần đầu tiên Nhà trường cũng không can thiệp vì Nhà trường không liên quan. Đến lần thứ 2, chị S gửi đơn và nói nếu Nhà trường không nói chị L trả tiền thì chị S sẽ kiện lên phòng Giáo dục và các cấp. Chị L vay chị S bao nhiêu Nhà trường không biết, chị L hỏi chị Tuyết L có sự việc vay mượn đó hay không thì chị Tuyết L thừa nhận có vay

tiền của chị S. Nhà trường khuyên nhủ và hòa giải các bên, Nhà trường không gây áp lực hay ép buộc gì đối với chị Tuyết L. Việc chị Tuyết L cam kết trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho chị S là do hai bên thỏa thuận, chị L và nhà trường không can thiệp. Chị L đã chuyển công tác sang đơn vị khác, không liên quan nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 357 và Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng chị Lê Thị L và chị Trần Thị M. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S. Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải trả cho chị Lê Thị S nợ gốc số tiền 69.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Tuyết L hiện nay đang cư trú tại thôn T, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình và theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị S đòi lại tài sản thông qua giao dịch dân sự nên xác định đây là “Tranh chấp đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên xác nhận việc vay tiền vào năm 2016, đến năm 2017, 2018 các bên tiến hành xác nhận viết giấy hẹn trả nợ và cam kết trả nợ nên pháp luật áp dụng là Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Chứng cứ mà chị Lê Thị S cung cấp là 01 giấy vay tiền chị Lê Thị Tuyết L viết tay. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giấy viết tay do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết. Mặc dù bị đơn chị Lê Thị Tuyết L cho rằng mình chỉ vay của chị Lê Thị S số tiền 20.000.000 đồng và việc viết giấy vay tiền 80.000.000 đồng là do lo sợ chị S gửi đơn lên nhà trường. Tuy nhiên chị L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh

số tiền vay là 20.000.000 đồng. Mặt khác, chị L còn viết Giấy hẹn trả nợ và Giấy cam kết trả tiền theo đúng thời hạn. Tại Giấy cam kết trả tiền đúng thời hạn có chị Trần Thị M và chị Lê Thị L chứng kiến và ký vào Giấy cam kết. Chị Mai cũng trình bày việc ký giấy cam kết là do chị Tuyết L tự nguyện viết ký và không bị ai ép buộc hay cưỡng ép. Như vậy, Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Tuy nhiên, chị Lê Thị Tuyết L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Các bên đều thừa nhận bị đơn chị Lê Thị Tuyết L đã trả cho nguyên đơn chị Lê Thị S số tiền 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Tuyết L đã thừa nhận còn nợ chị S số tiền 69.000.000 đồng.

Do đó, căn cứ vào Điều 278, 357 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc chị L phải trả lại số tiền đã vay là 69.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Đối với khoản tiền lãi chị S yêu cầu chị L phải trả số tiền lãi trên số tiền gốc 69.000.000 đồng: khi vay tiền các bên đều không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả tiền. Quá trình giải quyết vụ án chị S yêu cầu tính lãi suất theo quy định là 9,0%/1 năm (tương đương 0,75%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy số tiền lãi phát sinh là từ ngày làm đơn khởi kiện (ngày 03/4/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2023) là 04 tháng 15 ngày = 69.000.000 đồng x 04 tháng 15 ngày x 0,75% = 2.328.000 đồng.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 278, Điều 357 và Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi chị Lê Thị Tuyết L phải trả cho chị Lê Thị S là 71.328.000 đồng, trong đó, tiền gốc 69.000.000 đồng và tiền lãi là 2.328.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm trả. Vì vậy, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 229; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278; Điều 357; Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng chị Lê Thị L và chị Trần Thị M.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S. Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị S số tiền nợ là 71.328.000 đồng (bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 69.000.000 đồng (S mươi chín triệu đồng) và nợ lãi là 2.328.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Tuyết L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.566.000 đồng (Ba triệu năm trăm S mươi S nghìn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho chị Lê Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch là 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002271 ngày 17/4/2023.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/8/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

00

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị L Phương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

